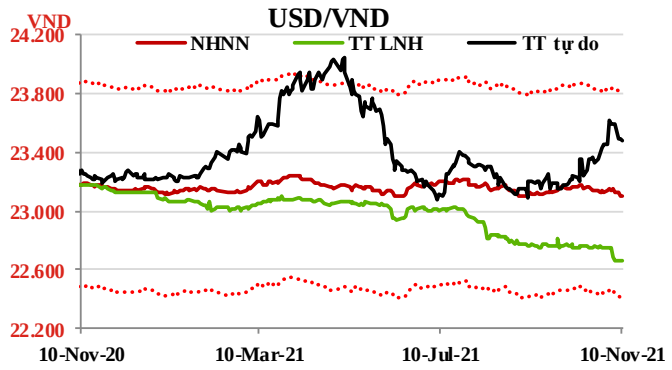

Lãi suất LNH					Trái phiếu		
Kỳ hạn	VND	D/D	USD	D/D	Kỳ hạn	Lợi suất	D/D
ON	0.66	0.02	0.14	0.01	3Y	0.67	-0.008
1W	0.77	0.02	0.17	0.00	5Y	0.77	-0.015
2W	0.88	0.02	0.21	0.00	7Y	1.15	-0.004
1M	1.16	-0.01	0.29	-0.01	10Y	2.10	0.004
2M	1.43	-0.01	0.37	0.01	15Y	2.35	0.002
3M	1.56	-0.01	0.45	-0.02			
6M	1.80	-0.02	0.72	-0.03			
9M	2.41	-0.03	1.09	0.04			
1Y	2.75	-0.16	1.17	0.04			

Nguồn: Reuters

Giao dịch mua kỳ hạn trên OMO (tỷ đ)

Ngày	Phiên	Kỳ hạn (ngày)	Lãi suất (%)	KL gọi thầu	KL trúng	KL đến hạn	Bơm/hút ròng	KL lưu hành
10-11-21	1	7	2.50	1,000	-	-	-	-
09-11-21	1	7	2.50	1,000	-	-	-	-
08-11-21	1	7	2.50	1,000	-	-	-	-

Thị trường TPCP sơ cấp

đơn vị: tỷ đồng

TCPH	Ngày ĐT	Kỳ hạn	KL gọi thầu	KL trúng thầu	LS trúng thầu	Thay đổi
MOF	10-Nov-21	10	4000	4000	2.09%	-0.06%
MOF	10-Nov-21	15	3000	2912	2.34%	-0.01%
MOF	10-Nov-21	20	3000	3000	2.81%	0.01%
Tổng			10000	9912		

	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1465.02	438.24	109.66
%/ngày	0.24%	1.29%	0.44%
%/31/12/2020	32.72%	115.8%	47.3%
KLGD (tr.d.vị)	985.54	150.77	114.6
GTGD (tỷ đ)	29742.38	3946.43	2481.79
NĐTNN mua (tỷ đ)	885.11	14.09	0.82
NĐTNN bán (tỷ đ)	1692.33	20.29	1.70

Tin trong nước ngày 10/11

- **Thị trường ngoại tệ:** Phiên 10/11, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 23.100 VND/USD, giảm tiếp 09 đồng so với phiên trước đó. Tỷ giá mua giao ngay được giữ nguyên niêm yết ở mức 22.650 VND/USD. Tỷ giá bán được niêm yết ở mức 23.743 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên ở mức 22.655 VND/USD, giảm 06 đồng so với phiên 09/11. Tỷ giá trên thị trường tự do giảm 30 đồng ở chiều mua vào và 40 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 23.380 VND/USD và 23.440 VND/USD.
- **Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 10/11, lãi suất chào bình quân LNH VND tăng 0,02 đpt ở các kỳ hạn ngắn trong khi giảm 0,01 đpt ở kỳ hạn 1M với phiên trước đó, cụ thể: ON 0,66%; 1W 0,77%; 2W 0,88 và 1M 1,16%. Lãi suất chào bình quân LNH USD tăng 0,01 đpt ở kỳ hạn ON, không thay đổi ở các kỳ hạn 1W và 2W trong khi giảm 0,01 đpt ở kỳ hạn 1M, giao dịch tại: ON 0,14%; 1W 0,17%; 2W 0,21%, 1M 0,29%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp giảm ở các kỳ hạn ngắn trong khi tăng ở các kỳ hạn 10Y và 15Y, cụ thể: 3Y 0,67%; 5Y 0,77%; 7Y 1,15%; 10Y 2,10%; 15Y 2,35%.
- **Nghiệp vụ thị trường mở:** Phiên hôm qua, NHNN tiếp tục chào thầu 1.000 tỷ đồng trên kênh cầm cố với kỳ hạn 07 ngày, lãi suất ở mức 2,50%. Không có khối lượng trúng thầu, không còn khối lượng lưu hành trên kênh này.
- **Thị trường trái phiếu:** Ngày 10/11, KBNN huy động thành công 9.912/10.000 tỷ đồng TPCP gọi thầu (tỷ lệ trúng thầu 99%). Trong đó, kỳ hạn 10 năm huy động được toàn bộ 4.000 tỷ đồng, kỳ hạn 15 năm huy động 2.912/3.000 tỷ đồng, kỳ hạn 20 năm huy động toàn bộ 3.000 tỷ đồng. Lãi suất trúng thầu kỳ hạn 10 năm tại 2,09%/năm (-0,06%); kỳ hạn 15 năm tại 2,34%/năm (-0,01%); kỳ hạn 20 năm tại 2,81%/năm (+0,01%).
- **Thị trường chứng khoán:** Hôm qua, thị trường phân hóa khi cổ phiếu vốn hóa lớn giảm nhẹ, các cổ phiếu vốn hóa vừa và và nhỏ tăng điểm. Chốt phiên, VN-Index tăng 3,52 điểm (+0,24%) lên 1.465,02 điểm; HNX-Index tăng 5,51 điểm (+1,29%) lên 438,24 điểm; UPCoM-Index tăng 0,48 điểm (+0,44%) lên 109,66 điểm. Thanh khoản thị trường tương tự phiên trước đó với tổng giá trị giao dịch đạt trên 36.100 tỷ VND. Khối ngoại bán ròng hơn 814 tỷ VND trên cả ba sàn.
- **Liên Bộ Tài chính - Công Thương vừa điều chỉnh giá bán lẻ xăng dầu từ 10/11.** Cụ thể, giá xăng RON 95 được điều chỉnh tăng 660 đồng/lít, xăng E5 RON 92 tăng 550 đồng/lít. Mức giá bán lẻ tối đa với xăng E5 RON 92 là 23.660 đồng/lít và xăng RON 95 là 24.990 đồng/lít. Đây đều là mức cao nhất từ tháng 7/2014. Trong khi đó, giá các mặt hàng dầu được điều chỉnh giữ nguyên hoặc giảm tùy loại. Sau khi điều chỉnh, giá bán đối với mặt hàng dầu diesel là 18.710 đồng/lít; dầu hỏa là 17.630 đồng/lít và dầu mazut là 16.820 đồng/kg.

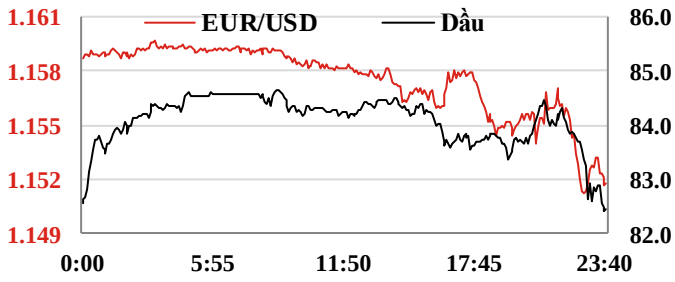

	10 Nov 21	Ngày (%)	Tuần (%)	Đầu năm (%)
USD index	94.85	0.95%	1.05%	5.46%
USD/CNY	6.39	-0.05%	-0.28%	-2.10%
USD/EUR	0.87	0.98%	1.15%	6.40%
USD/JPY	113.90	0.93%	-0.07%	10.33%
USD/KRW	1185.04	0.56%	0.53%	9.27%
USD/SGD	1.35	0.45%	0.38%	2.41%
USD/TWD	27.78	0.07%	-0.04%	-1.04%
USD/THB	32.80	0.09%	-1.50%	9.19%
USD/VND Trung tâm	23100	-0.04%	-0.17%	-0.13%
USD/VND LNH	22655	-0.03%	-0.42%	-1.88%
USD/VND tự do	23380	-0.13%	-0.60%	0.34%
Vàng	1849.57	0.99%	4.52%	-2.47%
Dầu	81.34	-3.34%	0.59%	67.64%

DowJones (Mỹ)	DAX (Đức)	Hang Seng (Hồng Kông)
36079.94	16067.83	24996.14
-0.66%	0.17%	0.74%

	LIBOR		SIBOR	
Kỳ hạn	USD	TĐ	USD	TĐ
ON	0.0654	-0.0055		
SW	0.0745	0.0025		
1M	0.0893	0.0000	0.2993	0.0000
2M	0.1178	0.0049		
3M	0.1544	0.0049	0.4344	0.0000
6M	0.2195	0.0044	0.5916	0.0000
1Y	0.3538	0.0040	0.0000	0.0000

Số liệu SIBOR ngày 09/11/2021

Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

NHTW	Đồng tiền	Kỳ trước	Kỳ này	Ngày thay đổi	Cuộc họp tới
Mỹ	USD	1,25%	0,25%	15/03/2020	14/12/2021
Châu Âu	EUR	0,5%	0,00%	10/03/2016	16/12/2021
Anh	GBP	0,25%	0,10%	19/03/2020	16/12/2021
Nhật	JPY	0,10%	-0,10%	28/01/2016	17/12/2021
Australia	AUD	0,25%	0,10%	03/11/2020	07/12/2021

Nguồn: TCTK, NHNN, Hose, HNX, Thomson-Reuters, MSBResearch

Tin quốc tế

- **Nước Mỹ đón một số thông tin kinh tế quan trọng.** Đầu tiên, về chỉ số giá tiêu dùng, CPI toàn phần và CPI lõi tại Mỹ lần lượt tăng 0,9% và 0,6% m/m trong tháng 10, nối tiếp đà tăng 0,4% và 0,2% của tháng trước đó, cao hơn so với mức tăng 0,6% và 0,4% theo dự báo của các chuyên gia. So với cùng kỳ năm 2020, CPI toàn phần và CPI lõi của Mỹ lần lượt tăng 6,2% và 4,6% trong tháng vừa qua. Tiếp theo, trên thị trường lao động, số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu tại Mỹ tuần kết thúc ngày 06/11 ở mức 267 nghìn đơn, giảm nhẹ từ mức 271 nghìn đơn của tháng trước đó, tuy nhiên chưa đạt mức 257 nghìn đơn theo kỳ vọng. Nhìn chung, áp lực lạm phát tại Mỹ đang ngày một gia tăng trong khi thị trường lao động liên tục được cải thiện, điều này có thể tạo thêm cho Fed động lực để tăng LSCS trở lại sớm hơn so với dự tính trước đây.
- **CPI tại Đức chính thức tăng mạnh trong tháng 10.** Văn phòng Thống kê Liên bang Đức cho biết chỉ số giá tiêu dùng CPI của nước này chính thức tăng 0,5% m/m trong tháng 10, sau khi đi ngang ở tháng trước đó (0,0% m/m), không thay đổi so với kết quả thống kê sơ bộ. So với cùng kỳ năm 2020, CPI tại Đức tăng 4,5% trong tháng 10. Nguyên nhân chủ yếu khiến CPI y/y của nước Đức tăng cao là do chỉ số giá năng lượng đã tăng tới 18,6% y/y, khiến cho giá của hầu hết các nhóm mặt hàng khác chịu áp lực tăng theo.
- **Các chỉ số giá tại Trung Quốc tiếp tục leo thang trong tháng 10.** Tổng Cục Thống kê Trung Quốc cho biết chỉ số CPI và PPI tại Trung Quốc lần lượt tăng 1,5% và 13,5% y/y trong tháng 10, cùng cao hơn so với mức 0,7% và 10,7% của tháng trước đó, đồng thời cao hơn mức 1,4% và 12,2% theo dự báo. Đây là tháng có mức tăng CPI y/y cao nhất kể từ tháng 11/2020 cho tới nay. Các chuyên gia dự báo CPI y/y của Trung Quốc có thể tiếp tục tăng lên trong những tháng tới, trong bối cảnh nước này đang gặp các khó khăn về nguồn nguyên liệu và năng lượng sản xuất. Ngoài ra, một số ý kiến nhận định áp lực giá cả tại Trung Quốc có thể ảnh hưởng tới toàn cầu.
- **Lịch công bố các chỉ số kinh tế:**

Ngày	Giờ VN	Mức độ ảnh hưởng	Chỉ số kinh tế	Kỳ này	Dự báo	Kỳ trước
10-11	8:30	*	CPI Trung Quốc yy T10	1.5	1.4	0.7
10-11	14:00	*	CPI chính thức Đức mm T10	0.5	0.5	0.5
10-11	8:30	***	CPI Mỹ mm T10	0.9	0.6	0.4
10-11	8:30	***	CPI lõi Mỹ mm T10	0.6	0.4	0.2
10-11	8:30	**	Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu tại Mỹ we	267K	257K	271K
11-11	7:30	***	Số việc làm thay đổi tại Úc T10		50.0K	-138.0K
11-11	7:30	***	Tỷ lệ thất nghiệp Úc T10		4.8	4.6
11-11	14:00	**	GDP Anh qq Q3		1.5	5.5
11-11	14:00	*	GDP Anh mm T9		0.4	0.4
11-11	14:00	*	Sản lượng công nghiệp Anh mm T9		0.2	0.8

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-INDEX

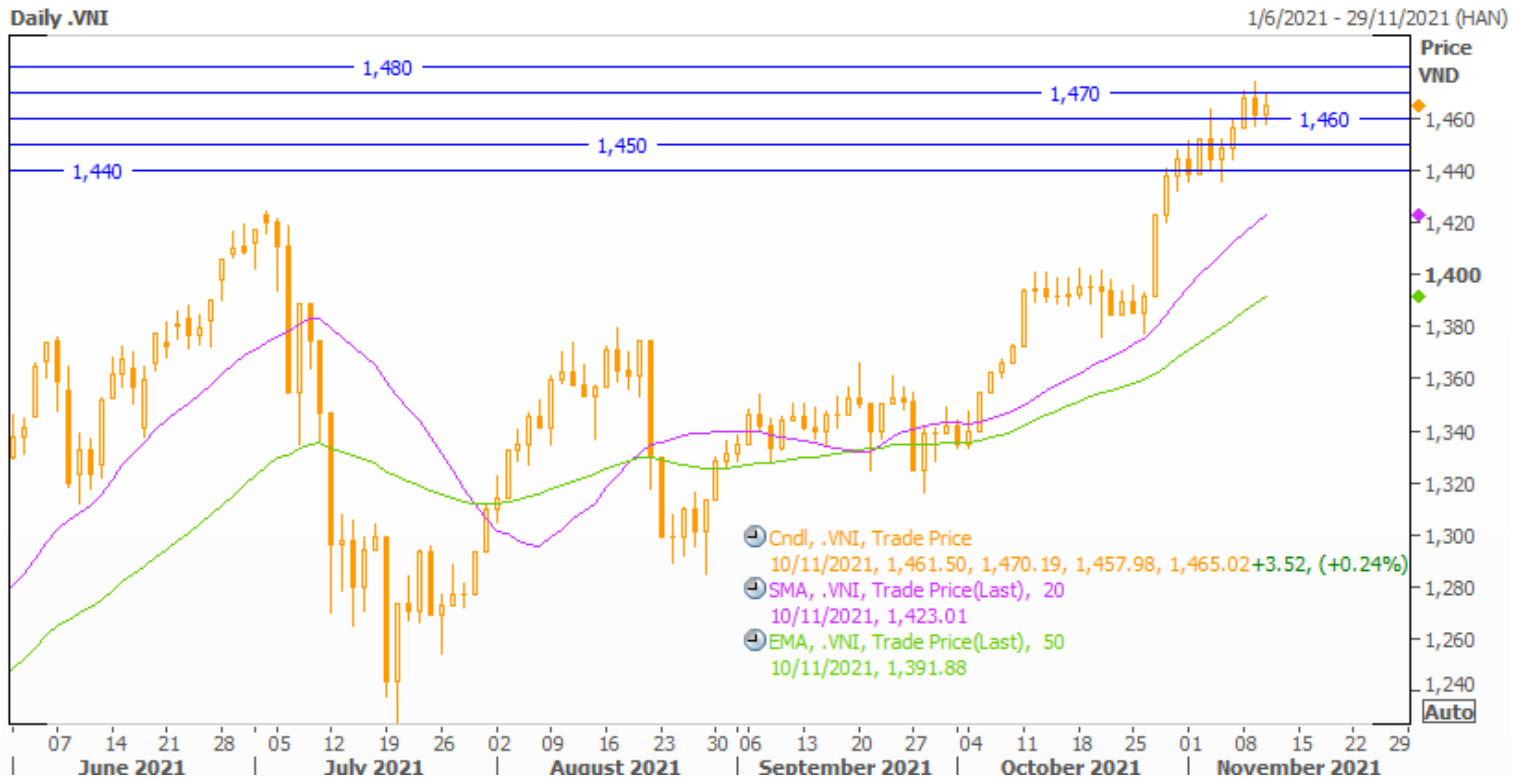

VN-Index tăng nhẹ lên mức 1465,02 điểm. Trong ngắn hạn, VN-Index có khả năng sẽ vận động tích cực tại vùng quanh 1.470-1.480 điểm và tiếp tục hồi phục từ vùng giá trị này.

Ngưỡng hỗ trợ: 1.450 – 1.440

Ngưỡng kháng cự: 1.470 – 1.480

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội

ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm

Email: ninhnnh1@msb.com.vn

Hoàng Thị Thu Trang - CVCC Phân tích

Email: tranghtt5@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CV Phân tích

Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ: Research@msb.com.vn